

Số: 1234/2019/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Nhung.
- Ông Nguyễn Thành Thông.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 301/2016/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2016, về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 796/2/9 Đường Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông H1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà C, sinh năm 1949.

- Ông T, sinh năm 1971.

- Ông T1, sinh năm 1973.

- Bà M, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: 150 Đường Đ3, Phường P3, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng ủy quyền cho: Ông P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 796/2/9 Đường Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 005326, Quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/3/2018 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Bà N, sinh năm 1961.
7. Ông S1, sinh năm 1989.
8. Bà S2, sinh năm 1987.
9. Ông Đ1, sinh năm 1986.
10. Trẻ Đ2, sinh năm 2014.
11. Trẻ Q1, sinh năm 2011

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Đ2 và Trẻ Q1: Ông Đ, sinh năm 1986.
Cùng địa chỉ: 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà T, sinh năm 1946. Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: 5810 M2, 68526-9499, USA.

Người đại diện ủy quyền: Ông H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 022746, Quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 14/12/2018 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Tạc, Thành phố Hồ Chí Minh).

13. Bà L, sinh năm 1950.

14. Ông H2, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: 796/2/9 Đường Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định nhà đất tại số 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông T4 và bà N3.

Nhà đất tại số 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh được chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông T4, bà N3 với tỷ lệ cụ thể như sau:

- Bà T được hưởng 1/6 giá trị nhà đất;
- Ông H1 được hưởng 1/6 giá trị nhà đất;
- Ông H được hưởng 2/6 giá trị nhà đất;
- Ông P, ông H2 mỗi người được hưởng 1/12 giá trị nhà đất;
- Ông T, Ông T1, bà M mỗi người được hưởng 1/18 giá trị nhà đất.

Giá trị nhà đất được xác định tại thời điểm thi hành án.

2. Các ông bà sau đây có trách nhiệm trả cho Ông H chi phí xây dựng, sửa chữa nhà đất tại số 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh; cụ thể:

- Bà T có trách nhiệm trả cho Ông H số tiền 80.763.000 đồng (Tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng);

- Ông H1 có trách nhiệm trả cho Ông H số tiền 80.763.000 đồng (Tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng);

- Ông P, ông H2 mỗi người có trách nhiệm trả cho Ông H số tiền 40.381.000 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng);

- Ông T, Ông T1, bà M mỗi người có trách nhiệm trả cho Ông H số tiền 26.921.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng).

3. Giao cho Ông H được toàn quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất số 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1. Ông H có trách nhiệm trả cho Bà T, Ông H1 mỗi người 1/6 giá trị nhà đất; trả cho Ông P, ông H2 mỗi người 1/12 giá trị nhà đất; trả cho Ông T, Ông T1, bà M mỗi người 1/18 giá trị nhà đất. Giá trị nhà đất sẽ được xác định tại thời điểm thi hành án.

Sau khi thực hiện xong trách nhiệm giao trả tiền, Ông H được liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục được đứng tên sở hữu và sử dụng hoàn toàn nhà đất số 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian 03 (ba) tháng ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu Ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm trả tiền thì những người còn lại có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để được hưởng phần giá trị tài sản theo quyết định của Tòa án, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc thi hành án.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Án phí: Các đương sự thống nhất với Biên bản định giá tài sản ngày 07/7/2017, theo đó giá trị nhà đất số 764/21 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1 là 3.186.977.962 đồng (Ba tỷ một trăm tám mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Bà T, Ông H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Ông H1 phải chịu án phí là 28.477.500 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ông P phải chịu án phí là 15.298.500 đồng (Mười lăm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng). Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ông P đã nộp là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo Biên lai thu số 0031166 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Ông P phải nộp thêm án phí là 5.298.500 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng)

Ông H2 phải chịu án phí là 15.298.500 đồng (Mười lăm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Ông T, Ông T1, bà M mỗi người phải chịu án phí là 10.199.000 đồng (Mười triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Đối với chi phí định giá và chi phí ủy thác tư pháp: do Ông P tự nguyện nộp.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (T25).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Dung